

# DECORATION ON SOME BRONZE BELLS OF THE NGUYEN DYNASTY IN QUANG BINH PROVINCE

Phan Lê Chung<sup>a</sup>  
Le Thi Thu Huong<sup>b</sup>; Nguyen Thi Hien Le<sup>c</sup>

<sup>a,c</sup>The University of Art, Hue University

Email: <sup>a</sup>plchung@hueuni.edu.vn; <sup>c</sup>nthienle@hueuni.edu.vn

<sup>b</sup>Danang Architecture University; Email: huonglth@dau.edu.vn

Received: 07/5/2024; Reviewed: 15/5/2024; Revised: 17/5/2024; Accepted: 28/5/2024; Released: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/nctd/303>

The bronze bell is not only a Buddhist instrument but also a tangible heritage of the indigenous community, through the decorations and inscriptions on the bell, one can see its aesthetic, cultural and historical value. In Quang Binh province, the number of Nguyen dynasty bells in pagodas is not many, but they still show quite typical shaping and decorative features of the Nguyen dynasty. Through the method of field research, synthesis, collection and analysis of documents, the authors launched this research with the purpose of understanding the current situation. At the same time, the authors analyze, make statistics of the decoration system and make some comments on the historical and aesthetic value of Nguyen bronze bells at some pagodas in Quang Binh province, contributing to the preservation and promotion of Buddhist cultural values in the flow of national art.

**Keywords:** *Decoration; Bronze Bell; Nguyen dynasty; Pagoda; Quang Binh province.*

## 1. Đặt vấn đề

Quảng Bình là một tỉnh nằm ở ven biển thuộc miền Trung Việt Nam, phía Bắc giáp với Hà Tĩnh, phía Nam giáp với tỉnh Quảng Trị, phía Tây giáp với Lào và phía Đông giáp với Biển Đông. Trong lịch sử, vùng đất này từng là lãnh thổ của Chiêm Thành, đến năm 1069, Chiêm Thành bỏ tiền công, lén lút thần phục nhà Tống, vua Lý Thánh Tông đã thân chinh dẹp loạn, bắt được vua Chế Củ, Chiêm Thành xin cắt dâng ba châu Bố Chính, Ma Linh và Địa Lý - tương ứng với Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế ngày nay để chuộc. Trong thế kỷ 17 và 18, thời kỳ Trịnh, Nguyễn phân tranh, sông Gianh thuộc Quảng Bình đã từng là nơi chia cắt Đàng Trong, Đàng Ngoài hơn 150 năm. Có thể nói đây là vùng đất có sự giao thoa văn hóa đặc biệt của Đại Việt - Chiêm Thành và Đàng Trong - Đàng Ngoài cũng như có sự ảnh hưởng của sự giao thoa văn hoá qua nhiều thế kỷ.

Về tên gọi Quảng Bình, sách Đại Nam Nhất thống chí viết: “*Bản triều Gia Dụ Hoàng đế năm Giáp Thìn thứ 47 (năm 1604) đổi phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình, sau đổi đặt làm dinh Quảng Bình*”, “*Mùa hè năm Tân Dậu, Thế Tổ Cao Hoàng đế lấy lại được đất cũ, bèn bỏ châu Thuận Chính, vẫn gọi là hai châu Bố Chính Nội và Bố Chính ngoài, đặt dinh Quảng Bình*”, “*năm Gia Long thứ 5 đặt định là dinh Quảng Bình trực lệ vào Kinh sư*”, “*năm Minh Mệnh thứ 12 chia tỉnh hạt, gọi là tỉnh Quảng Bình*”.

Về các chùa ở tỉnh Quảng Bình, theo các tư liệu trước đây, vùng đất này có số lượng chùa không

nhieu, sách Đại Nam Nhất thống chí nhắc đến các chùa Kim Phong, chùa Cảnh Tiên, chùa Hoằng Phúc, chùa Linh Quang, chùa Đại Phúc và chùa Hóa, sách Phủ Biên Tạp lục của Lê Quý Đôn chỉ nhắc đến chùa Hóa, chùa Kính Thiên và chùa Đại Phúc. Đến hiện nay, Quảng Bình cũng chỉ có 13 ngôi chùa được công nhận cơ sở tôn giáo ở tỉnh này.

Với đề tài nghiên cứu về hệ thống trang trí trên chuông đồng thời nhà Nguyễn, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát, điền dã tại các chùa ở tỉnh Quảng Bình và thu thập được các tư liệu về chuông đồng thời nhà Nguyễn tại các chùa An Lang, Hoằng Phúc, Phổ Minh và Quan Âm, từ đó có những phân tích về các trang trí, điêu khắc, văn chuông, làm rõ giá trị về các chuông đồng tại vùng đất này.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Trên thế giới, sự phát triển đa dạng và rộng lớn của Phật giáo đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu về thể loại này. Về nghệ thuật Phật giáo nói chung, Robert E. Fisher (1993) trong cuốn *Buddhist Art and Architecture* đã viết về nghệ thuật và kiến trúc Phật giáo, cuốn này cũng đã được dịch giả Huỳnh Ngọc Trảng dịch qua tiếng Việt do Nhà xuất bản Mỹ thuật xuất bản năm 2002, Charles F. Chicarelli (2005) viết về nghệ thuật Phật giáo với hơn 150 hình ảnh minh họa về nghệ thuật Phật giáo tại các nước châu Á trong cuốn *Buddhist Art: An Illustrated Introduction*, Meher McArthur (2004) với ấn bản *Reading Buddhist Art: An Illustrated Guide to Buddhist Signs and Symbols* đính kèm hình ảnh minh họa về biểu tượng, đồ vật và hình tượng trong nghệ thuật Phật giáo với giải thích ý nghĩa của các

hình ảnh, biểu tượng đó.

Về chuông trong Phật giáo, có các ấn bản *The Vajra and Bell: Buddhist Symbols Series* khám phá về ý nghĩa sâu sắc của hình tượng Chày Kim Cang và chuông (Vassantara, 2003), bài viết về chuông chùa bằng đồng từ thời kỳ hoàng gia Tây Tạng trong bối cảnh văn hóa vật chất Phật giáo - *Bronze Temple Bells from the Tibetan Imperial Period: Buddhist Material Culture in Context* (Lewis Doney, 2020); nghiên cứu về Linga hay chuông Phật giáo trong bài viết *Linga or Buddhist Bell* (Harry Falk, 2021).

Ở Việt Nam, lĩnh vực mỹ thuật Phật giáo có một số nghiên cứu và xuất bản như các cuốn *Mỹ thuật Lý Trần - Mỹ thuật Phật giáo* và *Sáng giá chùa xưa - Mỹ thuật Phật giáo* (Trứ, 2012), tạp chí Liễu Quán, tạp chí Văn hóa Phật giáo, tạp chí Nghiên cứu Phật học, tạp chí Phật giáo Việt Nam cũng có nhiều bài viết về mỹ thuật Phật giáo...

Tuy nhiên, các bài viết về chuông chùa gần như chỉ phân tích trên đặc trưng từng chuông, hoặc chủ yếu nhấn mạnh vào văn khắc chuông, chưa có sự nghiên cứu so sánh hệ thống trang trí trên chuông.

Nhóm nghiên cứu bước đầu thu thập các tư liệu về trang trí trên chuông chùa tại tỉnh Quảng Bình, với thời gian từ năm 1945 trở về trước. Phân loại và hệ thống hóa các tư liệu nghiên cứu đề tài có liên quan. Từ đó làm rõ giá trị của trang trí trên chuông trong dòng chảy nghệ thuật trang trí truyền thống của người Việt nói chung và trong văn hóa Phật giáo nói riêng. Góp phần trong công tác bảo tồn văn hóa, giáo dục lòng yêu nghệ thuật, đặc biệt là lòng tự hào về nghệ thuật truyền thống của cha ông, góp phần vào giữ gìn và phát huy vốn cổ dân tộc, văn hóa Phật giáo.

Từ các tư liệu thu thập được, nhóm nghiên cứu hệ thống hóa thành cơ sở dữ liệu là tài liệu chữ viết, ảnh chụp (bitmap), hình vẽ (vector), tạo nên bộ tư liệu phục vụ cho sáng tác, nghiên cứu, học tập cho những giảng viên, sinh viên, nhà nghiên cứu,... trong lĩnh vực liên quan.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Theo hướng nghiên cứu, bài viết sử dụng các phương pháp chính như sau:

Phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp nghiên cứu Mỹ thuật học: Phân tích đối tượng nghiên cứu dưới các góc độ, các yếu tố và nguyên lý tạo hình trang trí kết hợp với hướng tiếp cận liên ngành (Văn hóa học, Sử học, Dân tộc học, Nhân học biểu tượng, Mỹ học, Triết học).

Phương pháp điền dã: Khảo sát ở các chùa và các địa điểm liên quan đến đề tài, quan sát, đo đạc, chụp hình, thu thập số liệu và tài liệu.

Phương pháp so sánh, đối chiếu: So sánh và làm rõ đặc trưng khác biệt của đối tượng nghiên cứu qua các thời kỳ, trong và ngoài nước.

Phương pháp thống kê: Thống kê các đồ án trang trí, hệ hoa văn biểu tượng.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Về một số chùa có chuông đồng thời nhà Nguyễn tại tỉnh Quảng Bình

Qua khảo sát, mặc dù có 13 chùa được công nhận là cơ sở tôn giáo cùng với một số chùa khác nhưng số lượng chuông thời nhà Nguyễn tại các chùa khá ít, tập trung tại các chùa cô và được bảo quản khá nghiêm ngặt. Ở một vài nơi, chuông được xã quản lý và phải có sự đồng ý của ủy ban xã, của trưởng làng mới được vào chụp ảnh, lấy tư liệu dưới sự giám sát của nhiều người. Theo dòng thời gian, các chuông đã có những hư hỏng như gãy các chi tiết nhỏ, mòn vẹt trên bề mặt chuông, các vết thủng trên thân chuông hay các văn khắc bị mờ. Tuy nhiên, nhìn chung các chuông được khảo sát vẫn còn giữ được các họa tiết, hoa văn trang trí, các văn khắc trên chuông để có thể nghiên cứu, phân tích và tạo dữ liệu về chuông.

Chùa An Lang thuộc làng Lâm Lang, xã Châu Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Chùa ban đầu bằng gỗ, ba gian hai chái, được xây đầu làng. Trải qua thời gian, chùa An Lang hiện tại đã bị hư hỏng nặng và chưa được phục hồi. Hiện trạng còn lại chỉ có phần nền và công tam quan. Chuông chùa An Lang được chủ tạo vào năm Thành Thái thứ tư (1892), do Âm sinh Cao Duy Dương phụng cúng, chuông hiện được bảo quản bởi dân làng.

Cũng ở huyện Tuyên Hóa, Hoàng Phúc là một ngôi cổ tự nổi tiếng. Chùa trước đây là một am nhỏ, có tên là Tri Kiến. Năm 1716, chúa Nguyễn Phúc Chu cho sửa lại, đặt tên là Kính Thiên tự. Năm 1821, vua Minh Mạng ghé thăm và đổi thành Hoàng Phúc Tự, còn được gọi là chùa Trạm hoặc chùa Quan. Năm 2014, UBND huyện Lệ Thủy đã phục dựng lại chùa và vận giữ lối kiến trúc của chùa cổ thời Trần. Chùa Hoàng Phúc có diện tích rộng lớn với kiến trúc đặc biệt đẹp và tinh tế. Ngôi chùa được xây dựng theo phong cách kiến trúc Đông Á truyền thống, với các công trình như cổng chính, tháp chuông, chùa chính và không gian hoàng pháp. Những tòa nhà và công trình trong chùa được xây dựng bằng gỗ và đã được bảo tồn tốt suốt nhiều thế kỷ. Tại chùa Hoàng Phúc, chuông được đặt ở một gian riêng, có đặt bảng ghi chú. Chuông được bảo quản như mới, nét chủ tạo tinh tế, tỉ mỉ công phu, độc đáo...

Chùa Phổ Minh ban đầu là một am nhỏ thờ Phật được lập năm 1920 bởi hòa thượng Thích Phổ Minh. Năm 1938, chùa được triều đình nhà Nguyễn sắc ban “Sắc tứ Phổ Minh tự”. Chùa thuộc làng Đức Phổ, xã Đức Ninh, huyện Quảng Ninh, nay là phường Đức Ninh Đông, thành phố Đông Hới. Dưới nỗ lực của Hòa thượng Thích Phổ Minh, chùa từng là trung tâm đào tạo Phật học của tỉnh và được xây dựng, mở rộng khang trang, tuy nhiên chùa bị phá hủy trong giai đoạn chiến tranh chống Mỹ. Trải qua nhiều năm, chùa được trùng tu lại vào năm 2006 và hoàn thành vào đầu năm 2007. Chuông tại chùa Phổ Minh thực ra là của chùa Thần Đĩnh, còn có tên là Kim Phong tự hay chùa Non. Có thể thấy trên vai chuông có cụm chữ “Thần Đĩnh tự chung”.

Chuông được đúc vào năm 1897, năm Thành Thái thứ chín. Chuông được treo trên giá chuông, nét khắc tinh tế, khúc triết, phân bố lao quai chuông có một số vết nứt gãy nhưng các chi tiết trên chuông vẫn còn rất rõ nét.

Chùa Quan Âm nằm ở xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, được khởi công vào năm 1843 dưới thời vua Gia Long và khánh thành vào ngày lễ Vu Lan năm Ất Tỵ (1845). Chùa được xây dựng với quy mô khá lớn, làm bằng gỗ lim; ban đầu nơi đây được dựng nên chỉ thờ phụng bức tượng Quan Âm được vớt từ biển lên. Năm 1972, sau khi trải qua sự khốc liệt của chiến tranh khiến ngôi chùa bị phá hủy nặng nề, song đến năm 1991, chùa Quan Âm được xây dựng lại và được UBND tỉnh Quảng Bình công nhận là di tích Kiến trúc - Nghệ thuật - Tôn giáo. Chùa Quan Âm hiện có hai chiếc chuông cổ, một là Đại hồng chung, hai là bán chung, cả hai chiếc chuông đều được đúc vào thời vua Tự Đức. Trải qua thời gian, bề mặt chuông đã có nhiều sự mài mòn nhưng vẫn còn giữ được những nét chính của một thời vàng son.

#### 4.2. Đặc điểm về nghệ thuật trang trí trên các chuông đồng tiêu biểu thời nhà Nguyễn tại tỉnh Quảng Bình

##### 4.2.1. Chuông chùa An Lang

Chùa An Lang mặc dù đã đổ nát nhưng đại hồng chung của chùa vẫn được người dân cất giữ cẩn thận. Chuông chùa An Lang cao 100cm, đường kính miệng chuông 48cm, quai chuông là hình hai con bò lao được chạm khắc tỉ mỉ, nét khắc mảnh mà tinh tế, độc đáo, tạo khối đa dạng với các hình thể nhỏ khác nhau, vậy rộng nhẹ nhàng uốn lượn, phần thân được tạo bởi các khối uốn lượn trong các đám mây theo lối long ẩn vân, kết hợp với các đường cong sống động của vây, vây, râu, bờm tạo nên các khối âm dương chìm nổi đầy sống động.

Chuông được chia làm ba phần. Phần vai chuông là hai hàng ngang trơn nhẵn, không có trang trí, mỗi hàng cao khoảng 2cm. Phần thân chuông có hình trụ theo phương thẳng đứng, chia làm ba hàng, mỗi hàng có bốn mặt.

Hàng thứ nhất cao 37cm, bốn mặt được khắc bốn chữ 安瑯寺鐘 AN - LANG - TỰ - CHUNG (chuông chùa An Lang). Chữ được khắc lối chữ triện, đặt giữa trang trí hình cuộn thư và họa tiết khắc hình chim phụng công cuộn thư với hai cánh xòe ra. thân phụng ẩn trong mây, phần đuôi và cánh phấp phới. Ở bốn góc của mỗi ô là hình trang trí cánh dơi được cách điệu rườm rà phức tạp, đầu mỗi cánh lại được tạo đầu nhọn tam giác như một phần của hình lá đề.

Ở phần bên phải của chữ CHUNG có dòng chữ 成泰四年七月十五日造鑄 (Thành Thái tứ niên thất nguyệt thập ngũ nhật tạo chú), nghĩa là chuông được đúc vào ngày 15 tháng 7 năm Thành Thái thứ tư, là năm 1892. Ở bên trái là dòng chữ 廕生高帷揚奉辨 “Âm sinh Cao Duy Dương phụng ban”, cho thấy chuông được Âm sinh Cao Duy Dương cúng

tế cho chùa (Âm sinh là con của các quan lại dưới thời nhà Nguyễn).

Hàng ngang thứ hai là các đường ngang sát với nhau, phân giao giữa các đường gờ dọc và ngang là bốn núm chuông. Mỗi núm chuông có đường kính 8cm, bao quanh bởi các chặm tròn nhỏ. Hai dải ngang trên và dưới chạm khắc các hình hoa chanh bốn cánh nổi sát với nhau chạy theo dải dài, cách nhau bởi các núm chuông.

Hàng ngang thứ ba có bốn ô dài, mỗi ô rộng 21cm, cao 6.5 cm, theo thứ tự là trúc hóa lân, sen hóa rùa, cúc hóa phụng, tùng hóa rồng, mỗi linh thú đều mang sức sống theo từng nét khắc linh động, tinh xảo. Phía dưới bốn ô là dải trang trí ngang hồi văn hình kỷ hà.

Phần miệng chuông được trang trí các hình lá đề lớn, nổi sát với nhau. Chuông chùa An Lang mang một vẻ đẹp riêng, kết hợp giữa các chi tiết dân gian cùng với các trang trí tinh tế đặc sắc, tạo nên điểm nhấn trong nghệ thuật trang trí trên chuông đồng của thời kỳ này.

##### 4.2.2. Chuông chùa Hoàng Phúc

Đại hồng chung hiện tại của chùa Hoàng Phúc được đúc từ năm 1839, năm Minh Mạng thứ 20. Toàn bộ quả chuông cao 110cm, phần quai chuông cao 30cm, đường kính 57cm, nặng 80kg. Hình Bồ lao trên thân chuông được tạo hình theo cung tròn mạnh mẽ, nổi giữa bằng núm hoa sen trơn nhẵn, có hai khuyên tròn hai bên. Thân bồ lao tròn, các vây được xếp lớp một cách đều đặn, vây nhọn hướng từ dưới lên trên, có sự thay đổi nhỏ về hướng tạo nên sự sống động trong hình thể. Mũi lớn, khối tròn, miệng mở lớn ngậm hạt châu, hai râu tách ra nổi từ mệp đến chân. Phần thân bên dưới có các vây nhỏ, đều, tạo hình tinh tế. Thân và chân bồ lao tỳ vào chuông, dưới phần vây chân có các xoáy tròn ốc.

Phần vai chuông từ chân bồ lao trở xuống chia thành hai hàng ngang, mỗi hàng khoảng 3cm. Hàng thứ nhất không có họa tiết, hàng thứ hai là các họa tiết hoa lá hình dây mảnh uốn lượn nổi với nhau tạo thành đường viền.

Thân chuông có hình trụ hơi phình ra phần hàng ngang núm chuông, chia làm bốn mặt với bốn hàng ngang. Phần hàng ngang thứ nhất cao khoảng 42cm, sát phía viền trên có các họa tiết hình lá bồ đề được tạo thành từ các đường nổi mảnh, đều đặn, mỗi lá đề có ba giọt nước tròn. Ở góc phía dưới bên trái và bên phải là họa tiết dơi cách điệu, đường nét mảnh mà tinh tế. Bốn mặt có bốn chữ triện 弘福靈鐘 (Hoàng Phúc Linh Chung): Chuông chùa Hoàng Phúc cùng với các dòng khắc:

Ở ô chữ Hoàng có bài minh:  
 無雙福地 Vô song Phúc địa  
 第一梵宮 Đệ nhất Phạm cung  
 四民順宅 Tứ dân thuận trạch  
 萬法歸宗 Vạn Pháp quy tông  
 茲會淨土 Tư hội tịnh thổ  
 再鑄洪鍾 Tái chú hồng chung

蒲聲一吼 Bò thanh nhất hống  
 象法四通 Tượng pháp tứ thông  
 豁開道牖 Khoát khai đạo dũ  
 醒起迷聾 Tỉnh khởi mê lung  
 三明茂達 Tam minh mậu đạt  
 六入銷融 Lục nhập tiêu dung  
 仰祈三寶 Nguỡng kỳ Tam Bảo  
 俯鑒丹衷 Phủ giám đan trung  
 三緣了脫 Tam duyên liễu thoát  
 五福來崇 Ngũ phúc lai sùng  
 法音長響 Pháp âm trường hưởng  
 佛日常中 Phật nhật thường trung  
 而今而後 Nhi kim nhi hậu  
 傳之無窮 Truyền chi vô cùng  
 恭賀拜銘 Cung hạ bái minh  
 Ở ô chữ Phúc, bên phải có dòng chữ:

皆：明命二十年歲次己亥六月二十七日鑄  
 Thời - Minh Mệnh nhị thập niên tuế thứ Kỷ Hợi  
 lục nguyệt nhị thập nhất nhật chú, nghĩa là (chuông  
 được đúc) ngày mười hai tháng sáu năm Minh  
 Mạng thứ hai mươi.

Hàng ngang thứ hai là 4 núm đánh chuông hình tròn có viền ngoài, ở vị trí giữa của điểm giao giữa 5 đường gờ ngang và 5 đường gờ dọc. Núm đánh chuông có đường kính 7cm, vòng tròn ngoài là các chấm tròn nhỏ, được trang trí bao bọc bởi các hình đám mây lớn nhỏ cuộn với nhau. Phần hàng ngang thứ ba bao gồm 4 ô, ở hai đầu là các họa tiết mảnh trộng như hình cánh hoa cúc. Hàng ngang thứ tư có bốn cặp lưỡng long tranh châu, nét khắc tinh xảo, linh động.

Phần miệng chuông rộng 7cm, được trang trí với các hình hoa cúc cùng cùng với dây, lá cách điệu, nét khắc mảnh mai uốn lượn, nối với nhau tạo ra một dải trang trí chạy dài quanh miệng chuông.

#### 4.2.3. Chuông chùa Phổ Minh

Chuông tại chùa Phổ Minh thực ra là của chùa Thần Đỉnh, còn có tên là Kim Phong tự hay chùa Non. Có thể thấy trên vai chuông có cụm chữ “Thần Đỉnh tự chung”. Chuông được đúc vào năm 1897, năm Thành Thái thứ chín.

Chuông cao 100cm, đường kính miệng chuông 50cm. Phần quai chuông là hai con bò lao cao 35cm, tạo theo cung tròn nối với nhau bằng hình lá dẹt, trên có khối tròn, tổng thể tạo như kiểu Phật ngự tòa sen.

Thân bò lao được tạo thành khối hình tròn, mảnh, được bao phủ bởi các vảy tròn chạy quanh thân xuống đến chân. Phần giữa dọc thân gồm các vảy tròn xếp đều lên nhau, chạy dọc ở vòng trong quai chuông. Phần ức nối với thân chuông bằng một khối chữ nhật, hai chân có năm móng sắc nhọn bám vào thân chuông, tạo thêm độ bám chắc chắn giữa quai và chuông. Miệng bò lao rộng ngậm hạt châu, hai mắt tròn mở lớn. Các phần râu, vây, kỳ được tạo

hình các khối dài, kích cỡ lớn nhỏ khác nhau tỏa ra các hướng tạo nên một tổng thể đầy sống động, hài hòa và thanh thoát. Trải qua thời gian, nhiều phần ở vây và kỳ đã bị đứt gãy.

Phần vai chuông không có trang trí, chỉ có hai đường ngang chạy vòng quanh vai.

Thân chuông chia làm bốn mặt với ba hàng ngang. Phần hàng ngang thứ nhất cao 37cm, có bốn ô cách nhau bởi 5 đường gờ dọc. Hai góc trên trái, phải trang trí hình dơi cách điệu, nét hình kỳ hà với góc bo tròn, vẫn nhìn rõ được phần đầu dơi. Hai góc trái phải bên dưới là cách điệu thành các đường kỳ hà góc vuông, bố trí kiểu tam giác theo hình cánh dơi. Giữa các ô là một chữ Hán được ghép lại 4 ô thành cụm 神丁寺鍾 (Thần Đỉnh Tự Chung): chuông chùa Thần Đỉnh. Chữ được đặt trong hình bát giác, trang trí viền quanh bởi họa tiết kỳ hà.

Bên trái chữ “Thần” là dòng chữ “Thành Thái cửu niên ngũ nguyệt cát nhật chú tạo”, dịch nghĩa là “Đúc vào ngày tốt tháng 5 năm Thành Thái thứ 9”. Bên phải chữ “Chung” có dòng chữ 坪重壹百五十五斤銅, 價並鑄功共錢五百六十三貫五陌 (Bình trọng nhất bách ngũ thập ngũ cân đồng, giá tịnh chú công cộng tiền ngũ bách lục thập tam quán ngũ mạch), nghĩa là “nặng một trăm năm mươi lăm cân, tiền vật liệu và tiền công đúc là năm trăm sáu mươi ba quan rưỡi”. Chuông không có phần bài minh.

Hàng thứ hai trên thân chuông là các đường gờ ngang sát với nhau, phân giao giữa các đường gờ dọc và ngang là bốn núm chuông. Mỗi núm chuông tròn bao quanh bởi các chấm tròn trảng hạt nhỏ, đường kính 9.5cm. Hai dải ngang trên và dưới chạm khắc các hình hoa chanh bốn cánh nối sát với nhau chạy theo dải dài, cách nhau bởi các núm chuông.

Hàng thứ ba trên thân chuông bao gồm 4 ô nhỏ, mỗi ô rộng 24cm, cao 7.5cm trang trí với các hình Long - Ly - Quy - Phụng. Hai đầu ô có các trang trí hình thước thợ. Sát giữa phần thân chuông với miệng chuông là một dải dài trang trí bởi các họa tiết kỳ hà.

Phần miệng chuông rộng 5cm, được trang trí bởi các hình lá đề cách điệu, phần đầu mẹp lá úp xuống theo khối miệng chuông tạo sự mềm mại, nhẹ nhàng.

#### 4.2.4. Chuông chùa Quan Âm

Chùa Quan Âm hiện có hai chiếc chuông cổ, một là Đại hồng chung, hai là tiểu chung, cả hai chiếc chuông đều được đúc vào thời Tự Đức. Trải qua thời gian, bề mặt chuông đã có nhiều sự mài mòn nhưng vẫn còn giữ được những nét chính của một thời vàng son thừa trước. Đại hồng chung chùa Quan Âm nặng 200kg, cao 81cm, phần quai chuông cao 25cm, đường kính miệng chuông 41cm. Phần quai chuông là hình hai con bò lao có thân nối với nhau theo hình cung tròn, miệng ngậm hạt châu, phần vây nhìn không rõ, các vây, kỳ được tạo khối theo lối tự nhiên, lớn nhỏ khác nhau, đầu vây thuôn nhọn hướng lên, phần đuôi xoắn lại, nối với nhau bởi một mảnh dẹt như hình lá. Có thể thấy một số

gợn hình vân mây, sóng nước cuộn ở phần đuôi. Hai chân bò lao bám vào thân chuông. Phần vai chuông không có họa tiết trang trí, chia thành hai dải ngang cách bởi một đường gờ, mỗi dải rộng 1.5cm.

Phần thân chuông chia làm ba phần, mỗi phần có bốn mặt.

Phần thứ nhất mỗi mặt có một chữ triện, là các chữ 圓光寺 鍾 (Viên Quang tự chung) được đặt trong trang trí hình lá đề, rộng và cao 6.5cm. Phần dưới mặt chữ VIÊN còn một đoạn ghi 佛看必干

五百衣已限仲冬全, 十方善信 夕 持大洪鍾奉供 (Phật khán tất can ngũ bách ý dĩ hạn trọng đông đông, thập phương thiện tín ngạt tri đại hồng chung phụng cúng), ghi về tín đồ thiện tâm mười phương phụng cúng đề đúc chuông. Giữa chuông có đường gờ ngang của khuôn đúc chuông nhìn rõ.

Hàng ngang tiếp theo gồm hai đường gờ và một băng ngang, giao giữa các đường gờ dọc và ngang là bốn núm đánh chuông đường kính 7cm, có viền ngoài hình tràng hạt, một số hạt đã bị hỏng.

**Bảng so sánh các chuông đồng**

| STT | Chùa   | Năm chú tạo                    | Quai   | Vai                             | Thân  | Miệng  |
|-----|--|--------------------------------|--|---------------------------------|---|--|
| 1   | An Lang  | 1892<br>– Năm Thành Thái thứ 4 | Cao 33cm, hình bò lao hai đầu, đường nét mềm mại, nhiều chi tiết.                | Không có trang trí              | Cao 67cm, trang trí họa tiết góc hình dơi cách điệu, chữ triện trong hình chim phụng, họa tiết hoa chanh, dưới có trang trí tứ linh. Núm đánh chuông có hình tràng hạt bao quanh.               | 5cm, trang trí hình lá đề                        |
| 2   | Hoàng Phúc                                     | 1839<br>– Năm Minh Mạng thứ 20 | Cao 30cm, hình bò lao hai đầu, thân tạo thành cung tròn, nét chắc khỏe.          | Có họa tiết dây hoa lá uốn lượn | Cao 80cm, trang trí hình lá đề, chữ triện, họa tiết góc hình cánh dơi, núm đánh chuông có hình tràng hạt bao quanh cùng những cụm mây mũi mác, dưới có bốn cặp lưỡng long châu nhật.            | 7cm, trang trí hình hoa sen, dây hoa lá mềm mại. |
| 3   | Phổ Minh (Chuông chùa Kim Phong núi Thần Đinh) | 1897<br>– Năm Thành Thái thứ 9 | 35cm, hình bò lao hai đầu, đường nét mềm mại, nhiều chi tiết.                    | Không có trang trí              | Cao 65cm, Cao 67cm, trang trí họa tiết góc kỹ hà, chữ triện trong hình bát giác, có họa tiết hoa chanh chạy vòng quanh, dưới có trang trí tứ linh. Núm đánh chuông có hình tràng hạt bao quanh. | 5cm, trang trí hình lá đề.                       |
| 4   | Quan Âm (Chuông chùa Viên Quang)               | Thời Tự Đức                    | Cao 25cm, hình bò lao hai đầu, đường nét mềm mại, nhiều chi tiết đã bị mòn, gãy. | Không có trang trí              | Cao 56cm, trang trí chữ triện trong hình lá đề. Núm đánh chuông có hình tràng hạt bao quanh. Bề mặt chuông đã bị mòn vẹt nhiều, một số chi tiết chữ đọc không được.                             | 4cm, không có trang trí.                         |

**5. Thảo luận**

Những đại hồng chung thời Nguyễn tại một số chùa tỉnh Quảng Bình có giá trị cao về mặt mỹ thuật, với hệ thống tạo hình, trang trí uyển chuyển, tinh tế, đẹp đẽ. Những văn khắc trên chuông cho thấy sự tồn tại hay sự di chuyển của các chuông trong điều kiện lịch sử thời trước. Qua so sánh, những đại hồng chung thời Nguyễn ở tỉnh Quảng Bình có hình dáng thon dài, chiều cao chuông xấp xỉ nhau với chuông chùa Quan Âm nhỏ nhất, 80cm, và chuông chùa Hoàng Phúc lớn nhất, 110cm. Về niên đại, chuông chùa Hoàng Phúc có niên đại sớm nhất vào thời vua Minh Mạng, tiếp theo là chuông chùa Quan Âm thời Tự Đức, tiếp đến là chuông chùa An Lang và chùa Phổ Minh thời vua Thành Thái.

Về hệ thống trang trí, được phân bố ở quai chuông, vai chuông, thân chuông và miệng chuông. Hầu hết, các chuông có tạo hình tỉ mỉ, nhiều chi tiết, riêng chuông chùa Quan Âm có lẽ do điều kiện bảo quản khó khăn trước đây nên các trang

trí đã ít lại còn bị mòn vẹt nhiều. Các trang trí gồm có hình bò lao quai chuông được tạo hình chi tiết, lạ mắt, các dây hoa lá mềm mại trên vai chuông, miệng chuông, trang trí góc, các chữ triện được đặt trong các hình bát giác, lá đề hay hình chim phụng. Phần diềm mảnh chạy quanh thân chuông có họa tiết hình hoa chanh hay hình thước thợ. Các núm đánh chuông được trang trí bởi hình tràng hạt, riêng chuông chùa Hoàng Phúc có trang trí thêm các đám mây hình mũi mác.

Về văn khắc trên chuông, hầu hết chữ triện đều khắc tên chùa, các văn khắc khác tập trung vào niên đại, tên người phụng cúng. Hồng chung chùa Hoàng Phúc có khắc bài kệ.

Qua thời gian, hiện trạng các chuông ít nhiều đều có sự hư hỏng, từ các bề mặt bị trầy xước, mòn, thủng cho đến những đứt gãy tại những chi tiết dài, mảnh. Điều này đặt ra vấn đề về sự cần thiết phải có những nghiên cứu, tạo lập tư liệu, dữ liệu về hình ảnh, bản vẽ, bản dập, văn bản để phục vụ cho công

tác bảo tồn và phát huy về mỹ thuật, văn hóa Phật giáo không chỉ cho các chuông đồng mà còn những di sản văn hóa Phật giáo khác tại Quảng Bình.

## 6. Kết luận

Ngày nay, việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa, ứng dụng vào công tác bảo tồn bảo tàng, giảng dạy, phát huy vốn cổ dân tộc trong công tác đào tạo nhằm tạo

ra sự kế thừa phát huy và giữ gìn bản sắc dân tộc là nhu cầu cấp thiết, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu sâu cũng như lộ trình cụ thể. Vấn đề về bảo tồn văn hóa đòi hỏi phải có sự nỗ lực trên nhiều phương diện. Văn hóa Phật giáo có nhiều điểm đặc sắc và nét đặc trưng, nhất là tại tỉnh Quảng Bình, nơi có sự giao thoa đặc trưng của các vùng đất địa lý, văn hóa, tạo nên nét đặc trưng vùng miền.

## Tài liệu tham khảo

- Biền, T. L. (2018). *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
- Chu, Q. T. (2012). *Mỹ thuật Lý - Trần, Mỹ thuật Phật giáo*. Hà Nội: Nxb. Mỹ thuật.
- Chu, Q. T. (2012). *Sáng giá chùa xưa - Mỹ thuật Phật giáo*. Hà Nội: Nxb. Mỹ thuật.
- Chung, P. L. (2014). Giá trị tạo hình trên đồ đồng triều Nguyễn thế kỷ XIX. *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 361.
- Chung, P. L. (2022). *Nghệ thuật trang trí trên đồ đồng thời Nguyễn tại Huế*. Thừa Thiên Huế: Nxb. Đại học Huế.
- Chicarelli, Charles F. (2006). *Buddhist Art: An Illustrated Introduction*. Silkworm Books Publisher.
- Doney, Lewis. (2020). Bronze Temple Bells from the Tibetan Imperial Period: Buddhist Material Culture in Context, in book: *Framing Intellectual and Lived space in Early South Asia*. De Gruyter Publisher.
- Đôn, L. Q. (2007). *Phủ Biên Tạp lục*. Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Điền, Q., & Đăng, P. (2022). *Những dấu ấn phát triển của Phật giáo trên đất Quảng Bình*. Báo Giác ngộ, số 1147.
- Fisher, Robert E. (1993). *Buddhist Art and Architecture (World of Art)*. Thames & Hudson Publisher.
- Falk, Harry. (2021). *Liinga or Buddhist Bell*. Annual Report of The International Research Institute for Advanced Buddhism at Soka University.
- McArthur, Meher. (2004). *Reading Buddhist Art: An Illustrated Guide to Buddhist Signs and Symbols*. Thames & Hudson Publisher.
- Quốc Sử quán Triều Nguyễn. (2006). *Đại Nam Nhất Thống chí, Tập 2*. Thừa Thiên Huế: Nxb. Thuận Hóa.

# TRANG TRÍ TRÊN MỘT SỐ CHUÔNG ĐỒNG THỜI NHÀ NGUYỄN TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH

Phan Lê Chung<sup>a</sup>  
Lê Thị Thu Hương<sup>b</sup>; Nguyễn Thị Hiền Lê<sup>c</sup>

<sup>a,c</sup>Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

Email: <sup>a</sup>plchung@hueuni.edu.vn; <sup>c</sup>nthienle@hueuni.edu.vn

<sup>b</sup>Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng; Email: huonglth@dau.edu.vn

Nhận bài: 07/5/2024; Phản biện: 15/5/2024; Tác giả sửa: 17/5/2024; Duyệt đăng: 28/5/2024; Phát hành: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/303>

Chuông đồng không chỉ là pháp khí Phật giáo mà còn là di sản vật thể của cộng đồng cư dân bản địa, thông qua các trang trí và văn khắc trên chuông có thể thấy được giá trị về mỹ thuật, văn hóa, lịch sử. Tại tỉnh Quảng Bình, số lượng của chuông đồng thời nhà Nguyễn ở các chùa tuy không nhiều, nhưng đã cho thấy các đặc điểm tạo hình và trang trí khá đặc trưng của thời nhà Nguyễn. Thông qua phương pháp nghiên cứu điền dã, tổng hợp, thu thập và phân tích tư liệu, nhóm tác giả đã đưa ra nghiên cứu này với mục đích tìm hiểu về thực trạng. Đồng thời, nhóm tác giả phân tích, thống kê hệ thống trang trí và đưa ra một số nhận định về giá trị lịch sử và mỹ thuật chuông đồng thời nhà Nguyễn tại một số chùa ở tỉnh Quảng Bình, góp phần trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Phật giáo trong dòng chảy nghệ thuật dân tộc.

**Từ khóa:** Trang trí; Chuông đồng; Thời nhà Nguyễn; Chùa; Tỉnh Quảng Bình.